

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2023

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2022

1. Nhiệm vụ, mục tiêu theo Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030:

STT	Nội dung	Mục tiêu đến 2025	Mục tiêu đến 2030	Kết quả đạt được
I	Phát triển Chính quyền số			
1	Người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh An Giang cung cấp	80%	90%	chưa triển khai
2	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	50%	70%	chưa triển khai
3	Người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương	40%	60%	100% (đối với người dân có tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh)
4	Dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến <i>mức độ 4 (toàn trình)</i>	100%	100%	100%
5	Hồ sơ (thủ tục hành chính) giải quyết trực tuyến	50%	60%	46,6%
6	Thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến	60%	100%	100% (đối với người dân có tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh)

7	Dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	60%	100%	100%
8	Hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	90% 80% 65%	100% 100% 80%	98% 96% 90%
9	Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	80%	100%	100%
10	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.	-	100%	100%
II	Phát triển kinh tế số			
1	Tỷ lệ GRDP kinh tế số	10%	20%	ước đạt từ 4-5%
2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	10%	20%	chưa có số liệu
III	Phát triển xã hội số			
1	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến hộ gia đình, đến xã.	80% 100%	100%	78,9% 100%
2	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh, thử nghiệm các công nghệ mới			Tỷ lệ phủ sóng 3G/4G đạt 100% các xã toàn tỉnh
3	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử (người dân từ 15 tuổi trở lên)	50%	80%	68,07%

2. Mục tiêu theo Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh An Giang Ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ về Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2022:

- Thiết lập mạng lưới công nghệ số cộng đồng hỗ trợ triển khai chính phủ số, kinh tế số và xã hội số đến tận cấp đơn vị, cấp cơ sở, phường, xã, tổ, đội:

+ UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức triển khai thí điểm Tổ công nghệ số cộng đồng tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang.

+ Tổ công nghệ số cộng đồng đã được thành lập tại 11/11 huyện với tổng cộng 6.517 thành viên; trong đó, Tổ cấp phường/xã: 156 tổ với 1.609 thành viên; Tổ cấp khóm/ấp: 731 tổ với 4.908 thành viên. Đã tổ chức tập huấn và hướng dẫn cài đặt, sử dụng các nền tảng số bằng hình thức trực tuyến và trực tiếp cho Tổ Công nghệ số

cộng đồng trên địa bàn tỉnh An Giang như tạo tài khoản cá nhân trên Cổng Dịch vụ công, VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt (VNPT Pay, Viettel Money, ...), Sổ sức khỏe điện tử, Bảo hiểm xã hội (VssID)...

- Tham mưu ban hành bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số tỉnh An Giang:

+ Sở Thông tin và Truyền thông đã xây dựng dự thảo Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số tỉnh An Giang, gửi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (Công văn số 1071/STTTT-CNTT-BCVT ngày 24/9/2021, Công văn số 1464/STTTT-CNTT-BCVT ngày 16/12/2021).

+ Thực hiện Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ TTTT về Phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”. Sở TTTT đang thực hiện xây dựng dự thảo lần 2 bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số tỉnh An Giang trên cơ sở Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số theo Quyết định số 922/QĐ-BTTTT.

- Triển khai các nền tảng số quốc gia ưu tiên sử dụng do Bộ, ngành Trung ương triển khai: Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đăng ký danh sách cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh tham dự các khóa học trực tuyến trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai.

- Ngày 30/12/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 về Phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số trong Giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Trên cơ sở Quyết định số 2222/QĐ-TTg, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đang tập trung xây dựng dự thảo Chương trình chuyển đổi số trong Giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang để trình UBND tỉnh xem xét ban hành.

- Thực hiện Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 25/06/2018 của UBND tỉnh An Giang, phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết dự án “Số hóa tài liệu bảo quản lưu trữ hồ sơ và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh An Giang”. Từ năm 2018 đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã thực hiện số hóa và cập nhật vào phần mềm với 24.987 hồ sơ người có công.

- Phối hợp với Công ty TNHH Shopee hỗ trợ các doanh nghiệp du lịch An Giang chuyển đổi số, mở gian hàng trực tuyến trên sàn giao dịch du lịch điện tử Shopee. Đến nay, đã hoàn tất việc phối hợp với Shopee hướng dẫn các doanh nghiệp du lịch cập nhật các hồ sơ, giấy tờ cần thiết của doanh nghiệp để Shopee kiểm duyệt, xác nhận đủ điều kiện tham gia sàn giao dịch du lịch trực tuyến.

- Phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện Đề án thương mại điện tử Quốc gia năm 2022 “Xây dựng, phát triển bộ thương hiệu trực tuyến theo xu hướng quốc tế cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh An Giang”. Theo đó, Đề án sẽ thực hiện hỗ trợ 10 bộ thương hiệu trực tuyến cho 10 doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại các địa phương, trường học, cơ sở y tế, bệnh viện trên địa bàn tỉnh:

+ Các bệnh viện tuyến tỉnh đang triển khai thanh toán không tiền mặt qua 2 hình thức: chuyển khoản và thẻ POS, tích hợp sẵn sàng module thanh toán trong phần mềm quản lý bệnh viện, cơ sở y tế; cụ thể như Bệnh viện Hạnh Phúc, Bệnh viện Nhật Tân, Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang, Bệnh viện Sản Nhi,...

+ Các Trung tâm Y tế và các tuyến y tế cơ sở trong giai đoạn chuẩn bị do chưa tự chủ tài chính hoàn toàn. Cần phải đầu tư lớn về hạ tầng, lưu trữ, đường truyền, kết nối mạng, nâng cấp phần mềm HIS và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ triển khai ứng dụng công nghệ số trong quản trị và hoạt động nghiệp vụ thanh toán không tiền mặt.

- Triển khai Hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân:

+ Phần mềm hồ sơ sức khỏe và cổng thông tin người dân được cung cấp miễn phí bởi Trung tâm ứng dụng Công nghệ thông tin y tế - Cục Công nghệ thông tin – Bộ Y tế. Sở Y tế An Giang đã tổ chức tập huấn triển khai phần mềm Hồ sơ sức khỏe cá nhân điện tử (EHR) trên địa bàn tỉnh An Giang theo Kế hoạch số 2739/KH-SYT ngày 02/11/2020 cho các cán bộ Kế hoạch - Nghiệp vụ và IT tại các bệnh viện tuyến tỉnh (kể cả bệnh viện ngoài công lập), Trung tâm Y tế tuyến huyện, phòng khám đa khoa tư nhân có chức năng thanh toán Bảo hiểm xã hội (BHYT), Bệnh xá Quân y, Bệnh xá Công an tỉnh.

+ Thực hiện kết nối, liên thông dữ liệu từ hệ thống Quản lý thông tin bệnh viện - HIS đang sử dụng tại các đơn vị vào phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử. Việc tạo lập mã số định danh y tế (ID cá nhân) trên phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử được tạo trên nguyên tắc sử dụng Mã số bảo hiểm xã hội và Quy tắc quản lý của hệ thống.

+ Tính đến ngày 12/9/2022 dữ liệu Hồ sơ sức khỏe được khởi tạo là 2.477.495, dữ liệu bị trùng vượt số dân trong địa bàn chưa được làm sạch.

+ Ngày 31/8/2022, Sở Y tế An Giang phối hợp Viễn thông An Giang tổ chức Hội nghị giới thiệu chuyển đổi số ngành y tế năm 2022. Tại hội nghị, Sở Y tế An Giang và VNPT An Giang đã tiến hành ký kết thỏa thuận hợp tác triển khai chuyển đổi số ngành y tế đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Chuẩn bị công tác chuyển đổi Phần mềm hồ sơ sức khỏe và cổng thông tin người dân được Cục Công nghệ thông tin Bộ Y tế thí điểm do Tập đoàn VietSens hỗ trợ, dự kiến chuyển đổi dữ liệu trong Quý IV/2022 và tiến hành khai thác và liên thông dữ liệu trong năm 2023.

- Triển khai thực hiện xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh An Giang:

+ Tổng số hệ thống thông tin: 39;

+ Tổng số hệ thống thông tin đã được phân loại (đã xác định được loại hình hệ thống thông tin): 39, đạt tỉ lệ 100%;

+ Tổng số hệ thống thông tin đã xây dựng HSDXCĐ: 39, đạt tỉ lệ 100%;

- Tổng số HSĐXCĐ đã được phê duyệt: 37, đạt tỉ lệ: 94,8%;
- + Tổng số HSĐXCĐ đã được thẩm định: 02 (Mạng TSLCD Cấp II của Viễn thông An Giang và Viettel An Giang);
- Đã thực hiện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh An Giang (Kế hoạch số 288/KH-UBND ngày 16/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh).
- Đã thực hiện triển khai hệ thống trả lời thủ tục hành chính tích hợp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hỗ trợ phục vụ người dân, doanh nghiệp giải đáp thắc mắc trong quá trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến.
- Đã thực hiện kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh và các Cổng thông tin điện tử thành phần của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang với Hệ thống thu thập, đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống EMC).
- Đã thực hiện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh An Giang (Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh).
- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 Phê duyệt Kế hoạch tổ chức triển khai thí điểm Tổ công nghệ số cộng đồng tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Sở Thông tin và Truyền thông đã thực hiện xây dựng dự thảo Nghị quyết Chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và trình Ban cán sự đảng UBND tỉnh An Giang (Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030).
- Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2021 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang (Quyết định số 3721/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh).
- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan có ý kiến về dự toán kinh phí và tham mưu UBND tỉnh về nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch trên cơ sở lồng ghép với các chương trình, dự án và các nguồn hợp pháp khác theo quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước: Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí vốn sự nghiệp cho các đơn vị cấp tỉnh trong dự toán đã giao năm 2022 tại Quyết định số 2977/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh.

3. Mục tiêu theo Quyết định số 88/QĐ-BCĐCDS ngày 09/6/2022 của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh An Giang về Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2022:

TT	Nội dung	Mục tiêu 2022	Kết quả	Ghi chú
I	Phát triển hạ tầng số			
a)	Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh	85%	69,2%	Chưa đạt
b)	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	75%	83,06%	Vượt mục tiêu
II	Phát triển chính phủ số			
a)	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ	80%	93%	Vượt mục tiêu
b)	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	50%	46,6%	Chưa đạt
c)	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% (đối với thủ tục hành chính tiếp nhận tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh từ ngày 01 tháng 6 năm 2022; đối với thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp huyện từ ngày 01 tháng 12 năm 2022)	100%	100%	Đạt mục tiêu
d)	Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trực tuyến	50%	100%	Vượt mục tiêu
đ)	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục (không áp dụng đối với dữ liệu phục vụ công tác quân sự, quốc phòng)	50%	33%	Chưa đạt
III	Phát triển kinh tế số và xã hội số			
a)	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	30%	30%	Đạt mục tiêu
b)	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	100%	100%	Đạt mục tiêu
c)	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	50%	-	chưa có số liệu
d)	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	7%	-	chưa có số liệu
đ)	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	65-70%	68,07%	Đạt mục tiêu

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2022

(Phụ lục 1 kèm theo)

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 27/QĐ-UBQGCDs ngày 15/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022;
- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.
- Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt khung Đề án “An Giang điện tử” giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh An Giang Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang, phiên bản 2.0;
- Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

II. THÔNG TIN CHUNG

1. Chủ đề chuyển đổi số năm 2023:

“Dữ liệu số, tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới”.

2. Định hướng:

Cơ quan nhà nước tập trung vào các hoạt động phát triển, kết nối, chia sẻ, khai thác, phân tích dữ liệu phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số với các định hướng trọng tâm:

- (1) Người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến;
- (2) Doanh nghiệp được khai thác dữ liệu, dữ liệu mở do cơ quan nhà nước cung cấp để phục vụ sản xuất, kinh doanh;
- (3) Cơ quan nhà nước sử dụng dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu từ máy sinh ra theo thời gian thực để hỗ trợ ra quyết định, giảm thiểu hoạt động báo cáo thủ công giữa các cấp; nghiên cứu, phát triển, thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

III. MỤC TIÊU

Mục tiêu cụ thể về chuyển đổi số năm 2023

1. Phát triển chính quyền số:

- 100% dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến toàn trình.
- 40% thông tin người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến.
- 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- 60% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (LRIS); đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.
- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử.
- 80% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định và hoạch định chính sách; kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin.
- 80% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.
- 60% người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh An Giang cung cấp; Nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần tạo sự đồng thuận cao nhất trong nhân dân.
- 20% người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

- 50% hồ sơ giải quyết trực tuyến.
- 80% DVCTT (toàn trình, một phần) phát sinh hồ sơ trực tuyến.
- 40% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.
- 90% hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, 80% cấp huyện, 65% cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).
- Triển khai tích hợp chữ ký số vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.
- Thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số đối với các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.
- Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).
- Triển khai cơ sở dữ liệu dùng chung và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các đơn vị trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Triển khai thử nghiệm hệ thống trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quản và năng suất lao động.
- Mỗi cơ quan, địa phương có ít nhất 01 sáng kiến, mô hình hay về chuyển đổi số.
- 100% Hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được phân loại, xác định và phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đảm bảo đúng theo Thông tư 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022.

2. Phát triển kinh tế số

- Phần đầu kinh tế số đạt từ 5 - 6% GRDP.
- Phần đầu tỷ trọng kinh số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 6%.
- 80% sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có mặt sàn thương mại điện tử.
- 40% dân số tham gia mua sắm trực tuyến.
- Trên 40% người dân biết sử dụng điện thoại thông minh vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh.
- Có ít nhất 03 doanh nghiệp công nghệ số, trong đó có ít nhất 01 doanh nghiệp công nghệ số phát triển sản phẩm, giải pháp, dịch vụ công nghệ thông tin.
- 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử; 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số; 60% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.
- Năng suất lao động tăng 7%.
- Phát triển có hiệu quả Không gian số tỉnh An Giang (ispace.angiang.vn).

3. Phát triển xã hội số

- 100% hộ gia đình có địa chỉ số.

- 70% người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 70%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 85%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 75%.

IV. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

1.1. Hướng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và điều kiện thực tế của tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch hướng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023; Kế hoạch hướng ứng và phổ biến Tháng Tiêu dùng số.

1.2. Thúc đẩy chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

- Chuyển đổi số là một phương thức phát triển mới, là thêm một phương thức mới để giải quyết các bài toán đã đặt ra, những vấn đề nhức nhối có thể tồn tại từ lâu chưa giải quyết được. Vì vậy, cơ quan, đơn vị cần xác định tường minh bài toán chuyển đổi số của mình, xuất phát từ chính đặc thù của cơ quan, ngành, địa phương, tham vấn ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông cùng các cơ quan, đơn vị liên quan và các doanh nghiệp công nghệ số lớn của Việt Nam trong việc xác định bài toán.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp cùng sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân ở chính trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

1.3. Phổ biến kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia”

Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các cấp tham gia vào Kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác.

1.4. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm về các nội dung, mô hình chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh: chủ động thí điểm triển khai sáng kiến, mô hình hay về chuyển đổi số tại các cơ quan, địa phương, có khả năng nhân rộng trên toàn tỉnh, toàn quốc; đặc biệt là các sáng kiến liên quan đến: dữ liệu số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), an toàn thông tin mạng.

1.5. Phát động thi đua Chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng gắn với cải cách hành chính trong các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện nhằm đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn

2. Thể chế số

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật các cơ chế chính sách để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong quá trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

- Xây dựng phương án bảo đảm kinh phí hằng năm phần đầu 01% ngân sách nhà nước cho thực hiện chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Xây dựng phương án kinh phí hằng năm từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ, ngân sách địa phương theo khả năng cân đối và các nguồn huy động hợp pháp khác để thực hiện chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số theo quy định.

3. Hạ tầng số

- Các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn tỉnh. Ưu tiên phát triển tại: Đô thị; khu, điểm du lịch; các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện.

- Chuyển đổi toàn bộ hệ thống thông tin, ứng dụng của tỉnh sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Dịch vụ trực tuyến của các cơ quan nhà nước, báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, giáo dục, y tế, thương mại điện tử... của tỉnh sử dụng tên miền quốc gia (.vn).

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); các ngành có lộ trình triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như: giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp, hình thức triển khai, ưu tiên theo hướng thuê dịch vụ, sử dụng điện toán đám mây.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp thí điểm và nhân rộng việc xây dựng, phát triển mạng 5G tại tỉnh.

4. Dữ liệu số

- Xác định các nội dung phát triển dữ liệu số của cơ quan trong đó ưu tiên xây dựng, sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung, khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia. Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; Mở dữ liệu, tạo dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước tạo điều kiện phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Xây dựng Kho dữ liệu tập trung, dùng chung tỉnh trên cơ sở vừa cung cấp dữ liệu phục vụ công tác điều hành, quản lý và dự báo, cũng như khai thác trực tiếp để xây dựng các ứng dụng mới. Hạ tầng dữ liệu cần đảm bảo được nhu cầu cung cấp và khai thác thông tin từ các hệ thống bên ngoài (từ hệ thống đô thị thông minh cũng như các tổ chức, doanh nghiệp bên ngoài).

- Nâng cấp, hoàn thiện xây dựng mới các cơ sở dữ liệu chuyên ngành quan trọng hình thành các hệ thống thông tin, bao gồm:

- + CSDL báo cáo định kỳ phục vụ quản lý trên địa bàn tỉnh An Giang.
- + CSDL quản lý ngành Y tế.
- + CSDL quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo.

- + CSDL quản lý ngành Tài nguyên Môi trường.
- + CSDL quản lý ngành Thông tin và Truyền thông.
- + CSDL quản lý ngành Giao thông vận tải.
- + CSDL quản lý ngành Tư pháp.
- + CSDL quản lý ngành Lao động – Thương binh – Xã hội.
- + CSDL quản lý ngành Tài chính.
- + CSDL quản lý ngành Kế hoạch và Đầu tư.
- + CSDL quản lý ngành Thanh tra.
- + CSDL quản lý ngành Nội vụ.
- + CSDL quản lý ngành Xây dựng.
- + CSDL quản lý ngành Nông nghiệp – Nông thôn.
- + CSDL quản lý ngành Khoa học Công nghệ.
- + CSDL quản lý ngành Công thương.
- + CSDL quản lý ngành Văn hóa – Thể thao – Du lịch.
- Xây dựng Công dữ liệu mở tỉnh An Giang.

5. Nền tảng số

- Nâng cấp và hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong nội bộ tỉnh; kết nối với trực liên thông quốc gia (NDXP) để liên thông dữ liệu với các hệ thống Hệ thống thông tin do bộ, ngành Trung ương triển khai; khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Xây dựng nền tảng Chính quyền số, triển khai và vận hành hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh với hình thức triển khai tập trung, ưu tiên theo hướng thuê dịch vụ, sử dụng điện toán đám mây; Nghiên cứu, xây dựng triển khai thí điểm các Nền tảng số dùng chung cho tỉnh (Nền tảng quản trị công sở, Nền tảng công dân số, Nền tảng hỗ trợ nông dân, ...).

- Tăng cường phối hợp triển khai các nền tảng số, các hệ thống phục vụ cho người dân, như: thanh toán không tiền mặt, thương mại điện tử, y tế thông minh, giáo dục thông minh, giao thông thông minh,...

- Từng bước phát triển hoàn thiện Không gian số tỉnh An Giang (ispace.angiang.vn) tạo kết nối, tương tác và trải nghiệm mới đối với các công trình kiến trúc, cảnh quan, điểm du lịch, sản phẩm, dịch vụ... của An Giang trên môi trường số; góp phần truyền thông, quảng bá và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của An Giang

6. Nhân lực số

- Xây dựng chương trình đào tạo đội ngũ chuyên trách là các chuyên gia chuyển đổi số cho các ngành, địa phương.

- Thực hiện thường xuyên công tác đào tạo, nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước. Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng

lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức; đào tạo, tập huấn nhân lực về chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, địa phương;

- Lồng ghép, thực hiện các nội dung đào tạo, tuyên truyền nhận thức về kiến thức, kỹ năng số vào chương trình các cấp học phổ thông; sinh hoạt chuyên đề, hội nghị, hội thảo tại các trường cao đẳng, đại học.

7. An toàn thông tin mạng

7.1. Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp cùng sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành trước tháng 6 năm 2023.

7.2. Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng

Tổ chức phổ biến, quán triệt và tuân thủ hai nguyên tắc về an toàn thông tin mạng: Hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng; Hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.

7.3. Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin.

- Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

7.4. Kế hoạch nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Rà soát, bổ sung nhân lực an toàn thông tin, bảo đảm tỉnh có tối thiểu 05 chuyên gia về an toàn thông tin, ứng cứu sự cố.

- Xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia. Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trong năm 2023.

- Giám sát, phát hiện và công bố hành vi vi phạm quy định pháp luật của Việt Nam trên các nền tảng số thuộc phạm vi quản lý; giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng.

8. Chính phủ số

8.1. Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin một cửa điện tử của các ngành, địa phương để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình; đưa toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ một phần và toàn trình (đối với các thủ tục hành chính đủ điều kiện). Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

8.2. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

8.3. Thử nghiệm triển khai hiệu quả một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh; tiếp tục triển khai và vận hành Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh, kết hợp lựa chọn đô thị của tỉnh để triển khai thử nghiệm, gắn liền phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền điện tử, phát triển bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn. Xác định mô hình triển khai thành công để phổ biến, mở rộng.

- Hình thành kho dữ liệu lớn của tỉnh với các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung/chuyên ngành làm cơ sở; tiếp tục triển khai, ứng dụng các nền tảng số dùng chung của tỉnh tăng cường kết nối, chia sẻ với các IOC của tỉnh, của huyện/thị/thành để phục vụ công tác theo dõi, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp, cũng như cung cấp dữ liệu mở theo quy định.

- Tập trung chỉ đạo chuyển đổi số tất cả các mặt trong hoạt động, kiểm tra của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số.

8.4. Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.

8.5. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn biên giới:

- Phát triển các ứng dụng, hệ thống camera giám sát, phân tích dữ liệu giám sát an toàn, an ninh trật tự, an ninh quốc phòng và phòng chống tội phạm khu vực biên giới tỉnh An Giang.

- Xây dựng, phát triển các ứng dụng quản lý lưu trú, tạm trú, quản lý người phạm tội và các ứng dụng quản lý khác của ngành.

9. Kinh tế số

9.1. Phổ biến kiến thức về chuyển đổi từ kinh tế đơn thuần sang kinh tế số:

Xây dựng kế hoạch phổ biến kiến thức chung về xây dựng lộ trình và thực hiện chuyển đổi sang kinh tế số, giới thiệu và chia sẻ các bài học thành công của doanh nghiệp khi chuyển đổi qua kinh tế số ở trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

9.2. Tạo động lực chuyển đổi số trong doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ; xây dựng kế hoạch triển khai hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp.

9.3. Phát triển thương mại điện tử:

- Thúc đẩy việc áp dụng nhanh chóng nền tảng mã địa chỉ bưu chính VPostcode trong hoạt động thương mại điện tử và logistic.

- Tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất theo từng ngành hàng để tạo thêm các chuỗi liên kết mới.

- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử dành cho hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử.

9.4. Hỗ trợ, xây dựng các hạ tầng, ứng dụng nền tảng phục vụ phát triển kinh tế số:

- Phát triển nền tảng truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hỗ trợ các sản phẩm tham gia thương mại điện tử, quản lý chuỗi giá trị, xuất khẩu.

- Tiếp tục phối hợp các đơn vị liên quan hoàn thiện quy hoạch 1/500 của Khu công nghệ thông tin tập trung.

- Lồng ghép triển khai các giải pháp công nghệ số dự báo và định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực chủ lực của tỉnh.

10. Xã hội số

10.1. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp. triển khai có hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương

10.2. Định hướng, tìm hiểu nghề nghiệp cho học sinh bậc Trung học phổ thông, các chương trình đào tạo và dạy nghề gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số như: trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), chuỗi khối (Blockchain), in ba chiều (3D Printing). Thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp, để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số.

10.4. Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (giáo dục STEAM/STEAM/STEAME), đào tạo tiếng Anh và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin tại các cấp học.

10.5. Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội (theo hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương), để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực

của công nghệ số; ban hành các quy tắc ứng xử trên môi trường số cho doanh nghiệp và người dân; giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số.

11. Danh mục cụ thể nhiệm vụ trọng tâm chuyển đổi số năm 2023:

(Phụ lục 4 Danh mục nhiệm vụ kèm theo)

V. GIẢI PHÁP

Xác định các giải pháp để tạo điều kiện thực hiện các nhiệm vụ đã đặt ra. Cụ thể bao gồm (không giới hạn) các nhóm giải pháp tiêu biểu như sau:

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học;

- Tổ chức Xây dựng/ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; Xây dựng/ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp;

- Đề xuất, phối hợp với các đơn vị có liên quan phối hợp phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân;...

- Xây dựng Chuyên mục “*Chuyển đổi số và Truyền thông năm 2023*” phát sóng định kỳ hàng tháng trên Đài phát thanh truyền hình tỉnh An Giang.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Bru điện tỉnh phối hợp với các cơ quan nhà nước đẩy mạnh dịch vụ tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

- Các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh tăng cường cung cấp sản phẩm, dịch vụ số, giải pháp CNTT hiệu quả các giải pháp, các ứng dụng dụng trong cơ quan nhà nước, trong doanh nghiệp và phục vụ người dân.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...

4. Thu hút nguồn lực CNTT

- Bao gồm các hoạt động nhằm thu hút, đa dạng hóa nguồn lực (tài chính và nhân lực) để chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Nguồn lực được coi là giải pháp quan trọng, cốt lõi để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số nhằm thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số của quốc gia. Do cần ưu tiên, có phải pháp cụ thể bảo đảm nguồn lực, nhất là tài chính để thực hiện thành công mục tiêu kế hoạch.

- Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về CNTT, chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin cho nhân sự chuyên trách hoặc phụ trách về CNTT trong các cơ quan nhà nước.

- Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước của tỉnh, nguồn vốn xã hội hóa,... đầu tư hạ tầng CNTT, dịch vụ, triển khai các dự án ứng dụng CNTT trong CQNN, ứng dụng CNTT phục vụ người dân, doanh nghiệp. Trong đó, ưu tiên sử dụng nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn ngân sách nhà nước chỉ tập trung vào thực hiện xây dựng, triển khai kết cấu hạ tầng, chính quyền số, làm nền tảng để xây dựng và phát triển các lĩnh vực khác.

5. Tăng cường hợp tác chuyển đổi số

Bao gồm các hoạt động hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp số Việt Nam;...).

- Tổ chức đoàn công tác tham quan, học tập chia sẻ kinh nghiệm trong triển khai thực hiện đô thị thông minh, chuyển đổi số tại các tỉnh/thành phố triển khai đạt hiệu quả.

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ thông tin trong và ngoài tỉnh triển khai các chương trình, dự án, đề án ứng dụng CNTT, chuyển đổi trên địa bàn tỉnh.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị và địa phương chủ động cân đối, lồng ghép trong kinh phí chi thường xuyên, các Chương trình, Dự án và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện; đồng thời, chịu trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí thực hiện 47.006 triệu đồng,

- Ngân sách tỉnh: **47.006** triệu đồng, trong đó:

+ Vốn sự nghiệp: 12.976 triệu đồng.

+ Vốn đầu tư: 34.030 triệu đồng.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị, thành phố:

- Trên cơ sở Kế hoạch này, các đơn vị tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện tại cơ quan, địa phương; trong đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương lồng ghép nội dung thực hiện Đề án An Giang điện tử, Chương trình chuyển đổi số tỉnh vào trong kế hoạch để thực hiện.

- Để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện, sau khi kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm căn cứ vào điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, khả năng cân đối ngân sách, các cơ quan, đơn vị phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan có liên quan lập dự toán kinh phí theo chế độ quy định hiện hành (đối với nguồn vốn sự nghiệp), gửi cơ quan tài chính cùng cấp tham mưu cấp thẩm quyền bố

trí kinh phí thực hiện lồng ghép trong kinh phí hoạt động thường xuyên của các Sở, ngành và địa phương được giao nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Chủ trì phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện các dự án ứng dụng CNTT, chuyển đổi số theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Các sở, ngành và địa phương cung cấp dịch vụ công trực tuyến có biện pháp tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn về các tiện ích khi sử dụng; tham gia tích cực triển khai Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các giải pháp nhằm duy trì và tiếp tục phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại cơ quan, thực hiện ngày càng hiệu quả, thiết thực hơn.

- Tích cực đăng ký tham gia thi đua phát triển Chính quyền số và bảo đảm An toàn thông tin mạng gắn với cải cách hành chính hàng năm theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì phối hợp cùng các Sở, Ban, Ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Định kỳ, đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị triển khai và thực hiện đúng theo lộ trình kế hoạch đề ra, đảm bảo các nhiệm vụ, dự án không chồng chéo, trùng lặp khi triển khai thực hiện.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp cân đối nguồn vốn đầu tư công, sắp xếp thứ tự ưu tiên danh mục dự án tham mưu cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Sở Tài chính:

Theo khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về nguồn kinh phí thực hiện trên cơ sở lồng ghép với kinh phí chi thường xuyên được giao hàng năm, các Chương trình, Dự án và các nguồn hợp pháp khác theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Sở Nội vụ:

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, đôn đốc các cơ quan quản lý nhà nước việc thực hiện cải cách hành chính kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan chủ trì) tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức thực hiện nhiệm

vụ quản lý phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh theo vị trí việc làm và quy định của pháp luật có liên quan.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông bố trí nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức về Chuyển đổi số, đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực CNTT, chuyển đổi số trong hệ thống ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh, nhằm đáp ứng quá trình ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và phổ cập kiến thức CNTT, kỹ năng số, dịch vụ công trực tuyến trong các trường phổ thông.

- Xây dựng và triển khai chương trình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào công tác quản lý nhà nước, quản lý ngành và việc dạy, học trong các trường phổ thông.

- Hướng dẫn các đơn vị giáo dục trực thuộc đưa việc giảng dạy tin học vào tất cả các ngành học đào tạo từ sơ cấp trở lên.

- Đẩy mạnh thực hiện việc dạy và học trực tuyến tại các cấp học trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Y tế:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực CNTT, chuyển đổi số trong hệ thống ngành y tế trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng đề án, dự án triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong ngành y tế.

VIII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục nhiệm vụ, dự án để triển khai Kế hoạch dựa trên các nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện (*Phụ lục 3 kèm theo*).

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2023./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT;
- TT:TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Minh Thúy